**TOÁN**

**XĂNG-TI –MÉT KHỐI. ĐỀ -XI-MÉT KHỐI**

( Trang 116, 117- Sách Toán)

I. **Mục đích yêu cầu**:

1. Có biểu tượng ban đầu về xăng-ti-met khối; Đề -xi-met khối. Biết tên gọi, kí hiệu mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo thể tích: xăng-ti-mét khối, đề-xi-met khối.

2. Vận dụng để giải một số bài toán có liên quan đến xăng-ti-mét khối; đề-xi-met khối.

3. GD: Tính cẩn thận,trình bày sạch đẹp,khoa học.

II. **Các hoạt động**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của phụ huynh** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***Bài mới***:   1. ***Giới thiệu 2 đơn vị đo thể tích:Xăng-ti-mét khối; Đề-xi-mét khối.***   +Giới thiệu hình lập phương có cạnh 1dm và 1cm cho HS quan sát,nhận xét.  +Giới thiệu tên gọi, kí hiệu của đơn vị đo cm3 và dm3(sgk)  +Cho HS quan sát để nhận ra mối quan hệ giữa cm3 và dm3(sgk):1dm3= 1000cm3.  +Cho HS nhắc lại (sgk)   1. ***Tổ chưc cho HS làm các bài luyện tập:***   **Bài 1**: Hướng dẫn HS dùng bút chì điền vào sgk. Gọi HS nối tiếp đọc bài. GV chốt bài đúng trên bảng phụ.  *+519cm3:: Năm trăm mười chín xăng –ti-mét khối.*  *+Hai nghìn không trăm linh một đề-xi-mét khối:2001dm3*  **Bài 2:** Tổ chức cho HS làm bài 2a vào vở. Nhận xét, chữa bài, chốt lời giải đúng:  *1dm3= 1000cm3 ; 5,8dm3 = 5800cm3 ; 375 dm3= 375000cm3*  *dm3=800cm3*  *Tương tự phụ huynh cho HS làm bài 2b*  *b) 2 dm3 154 dm3*  *490 dm3 5,1 dm3*   * Ghi nhớ: Hai đơn vị đo thể tích liền nhau thì hơn - kém nhau 1000 lần. * Nhận xét tiết học. | -HS quan sát, nhận xét.đọc kết luận trong sgk.  -HS điền vào sgk.Đọc bài.  HS làm bài vào vào vở  Học sinh học thuộc ghi nhớ |

**Chúc Quý phụ huynh hướng dẫn cho các em nắm tốt kiến thức của bài giảng.**

**Xin cám ơn Quý phụ huynh.**

**TOÁN**

**MÉT KHỐI**

( Trang 117, 118- Sách Toán)

**I.** **Mục đích yêu cầu**:

1. Biết tên gọi, độ lớn, kí hiệu của đơn vị đo thể tích mét khối.

2. Biết mối quan hệ giữa mét khối với các đơn vị đề-xi-mét khối-xăng-ti-mét khối.

3. Giáo dục học sinh tính cẩn thận,trình bày khoa học.

**II**. **Đồ dùng**:

- HS: bảng con, bảng nhóm.

**III**. **Các hoạt động**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của phụ huynh** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. ***Bài mới***:   Nhắc lại ghi nhớ 2 đơn vị đo thể tích  liền nhau thì hơn - kém nhau 1000 lần.  Giới thiệu bài: Giới thiệu, nêu yêu cầu tiết học.  ***Hoạt động 1***: **Hình thành biểu tượng về mét khối:**  -GV cho HS quan sát mô hình, hình lập phương có cạnh 1m, giới thiệu về mét khối(sgk)  -Cho HS quan sát hình vẽ, nhận xét về mối quan hệ giữa mét khối và đề-xi-mét khối, xăng-ti-met khối.  **Kết luận**: + *Mét khối là thể tích hình lập phương có cạnh 1m.;*  *+ 1m3=1000dm3= 1000000cm3*  *-* Cho HS đọc bảng quan hệ giữa mét khối với các đơn vị khác trong sgk.  ***Hoạt động 2:*** **Tổ chức cho HS làm các bài luyện tập**:  **Bài 1:** Đọc, viết số kèm đơn vị đo là mét khối.   1. Đọc số   15*m3 :* đọc - mười lăm mét khối  205*m3 :* đọc - hai trăm linh năm mét khối  *m3 :* đọc -hai mươi lăm phần trăm mét khối  *0,911m3 :* đọc - không phẩy chín trăm mười một mét khối  b)Viết số : a) 7200*m3;* 400 *m; 3 m3* 0,05*m3*  **Bài 2***:*  *1 cm3= 0,001dm3*  *a)5,216m3=5216dm3;*  *13,8m3= 13800dm3;*  *0,22m3 = 220dm3;*  *b) 1,969m3 = 1969000cm3 ;*  *m3 = 250000cm3*  *19,54m3 = 19540000cm3*  ***Bài 3: Ôn công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương***  Học sinh đọc đề và tìm hiểu đề. Suy nghĩ cách tính    ***Cách tính : Lấy thể tích hình hộp chữ nhật chia thể tích hình lập phương = ? hình***  ***Kết quả: 30 hình*** | Học sinh nêu hai đơn vị đo thể tích liền nhau hơn kém nhau 1000 lần.  Học sinh qua sát  Học sinh nhắc lại kết luận  Học sinh làm bài vào vở  Bài 1a  (Học sinh ghi bằng chữ cách đọc)  Bài 1b  Học sinh viết vào vở  Học sinh làm bài vào vở  Học sinh nêu công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật  V = a x b x c  Học sinh nêu công thức tính thể tích hình lập phương  V = a x a x a  Học sinh làm bài vào vở |

**Chúc Quý phụ huynh hướng dẫn cho các em nắm tốt kiến thức của bài giảng.**

**Xin cám ơn Quý phụ huynh.**